BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 13/05/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00849	Lê Thị Hồng	Anh	Nữ	28.04.1991	Hà Nội		
2	B00850	Nguyễn Duy	Anh	Nam	22.09.1999	Hà Nội		
3	B00851	Đào Thị Ninh	Chi	Nữ	17.02.1998	Bắc Ninh		
4	B00852	Nguyễn Hữu	Công	Nam	21.01.1994	Hải Dương		
5	B00853	Lê	Cương	Nam	22.12.1995	Thanh Hóa		
6	B00854	Trần Mạnh	Cường	Nam	28.03.1986	Nghệ An		
7	B00855	Trần Văn	Cường	Nam	23.10.1992	Hà Nội		
8	B00856	Đặng Thị Đoàn	Dư	Nữ	30.11.1988	Thái Bình		
9	B00857	Dương Thế	Đức	Nam	03.05.1990	Thanh Hóa		
10	B00858	Nguyễn Quang	Dũng	Nam	21.04.1995	Quảng Ninh		
11	B00859	Đặng Khánh	Duy	Nam	26.07.1998	Hải Dương		
12	B00860	Tống Thị Hương	Giang	Nữ	28.12.1997	Bắc Giang		
13	B00861	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	21.05.1982	Hà Nội		
14	B00862	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	25.07.1999	Bắc Ninh		
15	B00863	Nguyễn An	Hòa	Nam	24.02.1974	Nghệ An		
16	B00864	Nguyễn Văn	Hoan	Nam	03.01.2000	Hà Tây		
17	B00865	Nguyễn Khắc	Hoàng	Nam	07.11.1983	Hà Nội		
18	B00866	Nguyễn Văn	Hoằng	Nam	05.02.1992	Thanh Hóa		
19	B00867	Trần Văn	Hoành	Nam	10.11.1986	Ninh Bình		
20	B00868	Phạm Hồng	Huệ	Nữ	01.09.1997	Hà Nội		
21	B00869	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16.01.1994	Nam Định		

Số thí sinh theo danh sách: 21

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……..

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 13/05/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00870	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	27.07.1982	Hà Nội		
2	B00871	Lương Anh	Huy	Nam	20.06.1999	Hà Nội		
3	B00872	Nguyễn Đình Tăng	Kỳ	Nam	11.05.1997	Hà Nội		
4	B00873	Nguyễn Thế	Lâm	Nam	03.10.1998	Hải Dương		
5	B00874	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	11.12.1998	Hà Nội		
6	B00875	Nguyễn Trang	Linh	Nữ	10.03.1996	Quảng Bình		
7	B00876	Hoàng Thiên	Linh	Nữ	22.11.1996	Hà Nội		
8	B00877	Đàm Phương	Linh	Nữ	02.06.2000	Hòa Bình		
9	B00878	Trần Hà	Linh	Nữ	15.10.1993	Hà Đông		
10	B00879	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	08.02.1998	Bắc Giang		
11	B00880	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	28.10.1995	Nam Định		
12	B00881	Trần Thị Diệu	Ly	Nữ	04.01.2000	Nam Định		
13	B00882	Ma Hương	Ly	Nữ	01.01.1998	Tuyên Quang		
14	B00883	Lê Thị	Mận	Nữ	04.11.1986	Hưng Yên		
15	B00884	Nguyễn Xuân	Minh	Nam	19.10.1994	Thanh Hóa		
16	B00885	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	14.09.2000	Bắc Ninh		
17	B00886	Tống Thị	Nga	Nữ	21.07.1986	Hà Nội		
18	B00887	Nguyễn Thị Thúy	Ngà	Nữ	28.12.1975	Nghệ An		
19	B00888	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	21.08.1978	Hà Nội		
20	B00889	Trịnh Thị Cẩm	Nhung	Nữ	23.09.1992	Thái Nguyên		
21	B00890	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20.01.1989	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 21

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……..

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 13/05/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00891	Đinh Văn	Quang	Nam	14.06.1986	Thái Bình		
2	B00892	Nguyễn Đình	Quyết	Nam	06.10.1983	Hải Dương		
3	B00893	Mai Thị	Quỳnh	Nữ	08.02.1993	Thái Bình		
4	B00894	Nguyễn Tuấn	Sơn	Nam	21.11.1986	Hà Nội		
5	B00895	Nguyễn Thị	Suốt	Nữ	29.06.2000	Bắc Ninh		
6	B00896	Khổng Thị Thanh	Tâm	Nữ	01.01.1985	Hà Nội		
7	B00897	Bùi Xuân	Tập	Nam	09.01.1983	Hải Phòng		
8	B00898	Trương Đức	Thái	Nam	23.05.1993	Hà Nội		
9	B00899	Nguyễn Đức	Thành	Nam	01.01.1990	Hà Nội		
10	B00900	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01.12.1996	Hà Nội		
11	B00901	Bùi Thị Thanh	Thảo	Nữ	16.02.1999	Hải Phòng		
12	B00902	Đỗ Anh	Thế	Nam	13.12.1992	Hà Nội		
13	B00903	Tạ Thị Hà	Thủy	Nữ	01.01.1983	Hà Nội		
14	B00904	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	28.08.1999	Bắc Ninh		
15	B00905	Lò Văn	Tuấn	Nam	07.07.1999	Điện Biên		
16	B00906	Phạm Doãn	Tùng	Nam	06.04.1991	Hà Nội		
17	B00907	Lê Thanh	Tùng	Nam	17.03.1990	Quảng Bình		
18	B00908	Trịnh Thị	Tuyết	Nữ	04.08.1988	Nam Định		
19	B00909	Trần Thị	Vân	Nữ	27.07.1991	Hưng Yên		
20	B00910	Đặng Văn	Vinh	Nam	23.10.1989	Hải Dương		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 13/05/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00911	Trần Vân	Anh	Nữ	27.02.1982	Hà Nam		
2	B00912	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	01.01.1999	Nam Định		
3	B00913	Nguyễn Hữu	Bảng	Nam	14.03.1976	Hà Nội		
4	B00914	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	12.10.1987	Thái Bình		
5	B00915	Đỗ Mạnh	Cầm	Nam	23.03.1998	Nam Định		
6	B00916	Bùi Thiện	Chí	Nam	19.01.1999	Bắc Giang		
7	B00917	Nguyễn Trung	Đông	Nam	04.11.1982	Bắc Giang		
8	B00918	Nguyễn Huy	Gia	Nam	23.02.1979	Thái Bình		
9	B00919	Lý Việt	Hải	Nam	06.10.1981	Hà Nội		
10	B00920	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12.02.1988	Thái Bình		
11	B00921	Trần Thị	Lan	Nữ	18.07.1988	Thái Bình		
12	B00922	Trần Huy	Lợi	Nam	02.05.1974	Hà Nội		
13	B00923	Dương Thị Hoa	Mai	Nữ	11.03.1994	Nam Định		
14	B00924	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	16.08.1999	Thái Bình		
15	B00925	Bùi Đình	Nam	Nam	01.08.1997	Thái Binh		
16	B00926	Hồ Thị	Nhung	Nữ	29.08.1998	Hưng Yên		
17	B00927	Trần Ngọc	Quân	Nam	02.05.1994	Nghệ An		
18	B00928	Nguyễn Tuấn	Tài	Nam	05.01.1995	Thái Bình		
19	B00929	Nguyễn Thế	Thái	Nam	24.03.1998	Hải Dương		
20	B00930	Đặng Trường	Thi	Nam	30.12.1982	Thái Bình		
21	B00931	Vũ Thị	Thơm	Nữ	28.05.1985	Thái Bình		
22	B00932	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12.03.1997	Nam Định		
23	B00933	Cao Văn	Trung	Nam	29.09.1998	Nghệ An		

Số thí sinh theo danh sách: 23

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)